

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2018/HSST**
Ngày 16-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2018/HSST ngày 10 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị U, sinh năm 1973 tại Cà Mau. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thái H (đã chết) và bà Võ Thị C (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2017 đến nay. (*Bị cáo có mặt*).

Người bị hại:

1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1981(*có mặt*).
- Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau
2. Phạm Thị D, sinh năm 1951(*có mặt*).
3. Nguyễn Thị N, sinh năm 1958(*có mặt*).
4. Nguyễn Việt T, sinh năm 1963(*Vắng mặt*).
5. Võ Mỹ N, sinh năm 1990(*có mặt*).
6. Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980(*có mặt*).
7. Đỗ Thị T, sinh năm 1953(*có mặt*).
8. Võ Thanh H, sinh năm 1964(*có mặt*).
9. Dương Thị A, sinh năm 1949(*có mặt*).
10. Trần Thanh T, sinh năm 1984.

Người đại diện theo ủy quyền: Đồng Thị N (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

11. Nguyễn Thị P, sinh năm 1965 (có mặt).

12. Trương Ngọc B, sinh năm 1969 (vắng mặt).

13. Nguyễn Thị D, sinh năm 1972 (có mặt).

14. Nguyễn Bạch T, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau

15. Lâm Ngọc V, sinh năm 1958 (có mặt).

16. Ngô Văn Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt).

17. Lâm Thị P, sinh năm 1987 (có mặt).

18. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962 (có mặt).

19. Hữu Thanh D, sinh năm 1992 (có mặt).

20. Trần Ngọc T, sinh năm 1973 (có mặt).

21. Dư Mỹ L, sinh năm 1966 (có mặt).

22. Đinh Thị V, sinh năm 1960 (có mặt).

23. Võ Bé H, sinh năm 1953 (có mặt).

24. Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (có mặt).

25. Ngô Thị T, sinh năm 1950 (xin vắng mặt).

26. Tô Ngọc N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

27. Nguyễn Hồng K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

28. Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 (có mặt).

29. Hồ Mộng T, sinh năm 1988 (có mặt).

30. Nguyễn Thị X, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

31. Võ Thị T, sinh năm 1951 (có mặt).

32. Trần Thị M, sinh năm 1948 (có mặt).

33. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1951 (có mặt).

34. Trần Thị U, sinh năm 1972 (vắng mặt).

35. Ngô Lâm S, sinh năm 1966.

Người đại diện theo ủy quyền: Thiều Thị N (có mặt).

36. Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (có mặt).

37. Huỳnh Thị G, sinh năm 1976 (có mặt).

38. Nguyễn Kim N, sinh năm 1960 (vắng mặt).

39. Ngô Kiều D, sinh năm 1977 (có mặt).

40. Phan T, sinh năm 1958 (vắng mặt).

41. Lê Hồng C, sinh năm 1976 (vắng mặt).

42. Nguyễn Mỹ X, sinh năm 1981 (vắng mặt).

43. Phạm Thị H, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau

44. Lưu Thị Hồng S, sinh năm 1982 (có mặt).

45. Cao Thị S, sinh năm 1972 (có mặt).

46. Lâm Thị N, sinh năm 1978 (có mặt).

47. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T

48. Nguyễn Thùy N, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Đỗ Minh T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Nguyễn Thị U làm chủ hội, quá trình làm chủ hội U sử dụng tiền của hội viên vào mục đích cá nhân dẫn đến bị thâm hụt, mất khả năng thanh toán. Đến năm 2014, U nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của hội viên, U đã mở 9 dây hội cho những người ở địa phương tham gia, hưởng hoa hồng 50% mỗi kỳ khai hội (hội 1.000.000 đồng U hưởng được 500.000 đồng, hội 500.000 đồng hưởng được 250.000 đồng). Để chiếm đoạt tiền của các hội viên, U đưa một số tên hội viên không vào các dây hội rồi hốt hội để chiếm đoạt tiền đóng hội của các hội viên khác và lợi dụng việc các hội viên ít đi bỏ thăm để tự ý hốt hội chiếm đoạt tiền đóng hội của các hội viên. Đến ngày 10/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 14/6/2016) tuyên bố đình hội và đi khỏi địa phương. Quá trình điều tra xác định khi tuyên bố đình hội U đã chiếm đoạt số tiền **369.355.000** đồng của các hội viên.

Cụ thể từng dây hội bị cáo U chiếm đoạt số tiền như sau:

1. Dây hội thứ nhất: Mở ngày 29/6/2015 âm lịch (nhằm ngày 13/8/2015), loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 29 âm lịch, tổng số 27 phần hội; gồm 20 hội viên. Dây hội khai được 10 lần thì đình hội; còn lại 17 lần chưa khai hội nhưng trên thực tế còn 24 phần hội sống; do U tự ý lấy hội của hội viên để hốt hội 7 phần; đưa tên không hốt 1 phần, số tiền chiếm đoạt là **121.310.000** đồng, cụ thể như sau:

- Đưa tên không để hốt hội 1 lần: Kỳ thứ 2 mở ngày 29/7/2015 âm lịch nhằm ngày 11/9/2015 U đưa tên không (tên D) bỏ thăm 350.000 đồng hốt được 15.600.000 đồng.

- Tự ý hốt hội của hội viên 7 lần với số tiền 108.350.000 đồng gồm: Kỳ thứ 3 mở ngày 29/8/2015 âm lịch nhằm ngày 11/10/2015, U lấy hội tên T để bỏ thăm 360.000 đồng, hốt được 15.360.000 đồng; Kỳ thứ 4 mở ngày 29/9/2015 âm lịch nhằm ngày 10/11/2015, U lấy hội tên P để bỏ thăm 380.000 đồng, hốt được 14.880.000; Kỳ thứ 5 mở ngày 29/10/2015 âm lịch nhằm ngày 10/12/2015, U lấy hội tên T để bỏ thăm 320.000 đồng, hốt được 16.320.000 đồng; Kỳ thứ 6 mở ngày 29/11/2015 âm lịch nhằm ngày 08/01/2016, U lấy hội tên P để bỏ thăm 400.000 đồng, hốt được 14.400.000 đồng; Kỳ thứ 8 mở ngày 29/01/2016 âm lịch nhằm ngày 07/3/2016, U lấy hội tên K bỏ thăm 320.000 đồng, hốt được 16.640.000 đồng;

Kỳ thứ 9 mở ngày 29/02/2016 âm lịch nhằm ngày 06/4/2016, U lấy hội tên N để bỏ thăm 350.000 đồng, hốt được 15.950.000 đồng; Kỳ thứ 10 mở ngày 29/3/2016 âm lịch nhằm ngày 05/5/2016, U lấy hội tên N để bỏ thăm 400.000 đồng, hốt được 14.800.000 đồng. U đóng lại 1 kỳ (kỳ 7) số tiền là 2.640.000 đồng.

2. Dây hội thứ hai: Mở ngày 06/01/2015 âm lịch nhằm ngày 24/2/2015, loại hội 1.000.000 đồng mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 06 âm lịch, tổng số 32 phần hội, có 27 hội viên. Dây hội khui được 16 kỳ; còn lại 16 kỳ chưa khui hội nhưng thực tế còn 20 chân sống là do U tự ý lấy hội của hội viên để hốt hội 4 phần; đưa tên không hốt 1 phần; tổng số tiền chiếm đoạt **79.690.000** đồng, cụ thể như sau:

- Đưa tên không để hốt hội 1 lần: Kỳ thứ 15 mở ngày 06/3/2016 âm lịch nhằm ngày 12/4/2015, U lấy hội không tên D bỏ thăm 480.000 đồng, hốt được 22.650.000 đồng.

- Tự ý hốt hội của hội viên 4 lần với số tiền 69.900.000 đồng: Kỳ thứ 2 mở ngày 06/2/2015 âm lịch nhằm ngày 25/3/2015, U lấy hội của T bỏ thăm 480.000 đồng hốt được 15.600.000 đồng; Kỳ thứ 3 mở ngày 06/3/2015 âm lịch nhằm ngày 24/4/2015, U lấy hội của T bỏ thăm 500.000 đồng hốt được 15.000.000 đồng; Kỳ thứ 11 mở ngày 06/11/2015 âm lịch nhằm ngày 16/12/2015, U lấy hội của K bỏ thăm 450.000 đồng hốt được 19.650.000 đồng; Kỳ thứ 12 mở ngày 06/12/2015 âm lịch nhằm ngày 15/01/2016, U lấy hội của K bỏ thăm 450.000 đồng hốt 19.650.000 đồng. U đã đóng lại tổng số tiền 12.860.000 đồng.

3. Dây hội thứ ba: Mở ngày 26/4/2015 âm lịch nhằm ngày 12/6/2016, loại hội 1.000.000 đồng mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 26 âm lịch. Tổng số 31 phần hội; có 24 hội viên. Dây hội khui được 12 kỳ thì đình hội; còn lại 19 kỳ chưa khui hội nhưng thực tế còn 24 chân sống là do U lấy hội của các hội viên để hốt hội 5 lần, đưa tên không hốt 2 phần chiếm đoạt số tiền là **98.580.000** đồng, cụ thể như sau:

- Có 02 lần U đưa tên không hốt hội được số tiền 33.780.000 đồng: Kỳ thứ 8 mở ngày 26/11/2015 âm lịch nhằm ngày 05/01/2016, U lấy hội không tên D bỏ thăm 430.000 đồng hốt được 16.820.000 đồng; Kỳ thứ 11 mở ngày 26/02/2016 âm lịch nhằm ngày 03/4/2016, U lấy hội không tên Tư P bỏ thăm 460.000 đồng hốt được 16.960.000 đồng.

- Tự ý lấy tên của hội viên để hốt hội 5 lần được 74.440.000 đồng: Kỳ thứ 2 mở ngày 26/5/2015 nhằm ngày 11/7/2015, U lấy hội của N bỏ thăm 450.000 đồng hốt được 15.400.000 đồng; Kỳ thứ 3 mở ngày 26/6/2015 nhằm ngày 11/8/2015, U lấy hội của L bỏ thăm 500.000 đồng hốt được 14.000.000 đồng; Kỳ thứ 4 mở ngày 26/7/2015 nhằm ngày 08/9/2015, U lấy hội của N bỏ thăm 480.000 đồng hốt được

14.560.000 đồng; Kỳ thứ 5 mở ngày 26/8/2015 nhằm ngày 08/10/2015, U lấy hụi của Bảy T bỏ thăm 500.000 đồng hốt được 14.000.000 đồng; Kỳ thứ 12 mở ngày 26/3/2016 âm lịch nhằm ngày 02/5/2016, U lấy hụi tên D để bỏ thăm 480.000 đồng hốt được 16.480.000 đồng. U đã đóng lại tổng số tiền 9.640.000 đồng.

4. Dây hụi thứ tư: Mở ngày 10/9/2015 âm lịch nhằm ngày 22/10/2015 loại hụi 1.000.000 đồng mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 10 âm lịch; có 19 phần, có 16 người tham gia. Dây hụi khui được 8 kỳ, còn lại 11 kỳ chưa khui hụi nhưng thực tế còn 13 chân sống là do U lấy hụi của các hụi viên để hốt hụi 2 lần, đưa tên không hốt 2 phần chiếm đoạt số tiền là **37.360.000** đồng, cụ thể như sau:

- Có 02 lần U đưa tên không hốt hụi được số tiền 20.940.000 đồng: Kỳ thứ 5 mở ngày 10/01/2016 âm lịch nhằm ngày 17/02/2016, U lấy hụi không tên Đ bỏ thăm 400.000 đồng hốt được 10.400.000 đồng; Kỳ thứ 8 mở ngày 10/4/2016 âm lịch nhằm ngày 16/5/2016, U lấy hụi không tên N bỏ thăm 420.000 đồng hốt được 10.540.000 đồng.

- Tự ý lấy tên của hụi viên để hốt hụi 2 lần được 21.680.000 đồng: Kỳ thứ 2 mở ngày 10/10/2015 âm lịch nhằm ngày 21/11/2015, U lấy hụi tên C bỏ thăm 320.000 đồng hốt được 10.880.000 đồng; Kỳ thứ 7 mở ngày 10/3/2016 âm lịch nhằm ngày 16/4/2016, U lấy hụi tên H bỏ thăm 400.000 đồng hốt được 10.800.000 đồng. U đã đóng lại tổng số tiền 5.260.000 đồng.

5. Dây hụi thứ năm: mở ngày 18/3/2015 âm lịch nhằm ngày 06/5/2015 loại hụi 500.000 đồng mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 18 âm lịch; có 21 phần với 19 người tham gia. Dây hụi còn lại 7 kỳ chưa khui hụi nhưng thực tế còn 12 chân sống là do U lấy hụi của các hụi viên để hốt hụi 4 lần, đưa tên không hốt 1 phần, chiếm đoạt số tiền là **26.935.000** đồng, cụ thể như sau:

- Có 1 lần U đưa tên không hốt hụi được số tiền 6.050.000 đồng: Kỳ thứ 7 mở ngày 18/9/2015 âm lịch nhằm ngày 30/10/2015, U lấy hụi không tên Tư P bỏ thăm 230.000 đồng hốt được 6.050.000 đồng.

- Tự ý lấy tên của hụi viên để hốt hụi 4 lần được 25.245.000 đồng: Kỳ thứ 4 mở ngày 18/6/2015 âm lịch nhằm ngày 02/8/2015, U lấy hụi của N bỏ thăm 215.000 đồng hốt được 5.845.000 đồng; Kỳ thứ 9 mở ngày 18/11/2015 âm lịch nhằm ngày 28/12/2015, U lấy hụi của D bỏ thăm 200.000 đồng hốt 6.700.000 đồng; Kỳ thứ 10 mở ngày 18/12/2015 âm lịch nhằm ngày 27/01/2016, U lấy hụi của T bỏ thăm 235.000 đồng hốt được 6.210.000 đồng; Kỳ thứ 11 mở ngày 18/01/2016 âm lịch nhằm ngày 27/01/2016, U lấy hụi của V bỏ thăm 215.000 đồng hốt được 6.490.000 đồng; Kỳ thứ 14 mở ngày 18/4/2016 âm lịch U lấy hụi của hụi

viên để bỏ thăm hốt hụi nhưng không nhớ lấy hụi tên gì, bỏ thăm bao nhiêu tiền, hốt được bao nhiêu tiền. U đã đóng hụi lại số tiền 4.360.000 đồng.

6. Dây hụi thứ sáu: Mở ngày 16/01/2016 âm lịch nhằm ngày 23/02/2016 loại hụi 500.000 đồng mỗi tháng khui 1 lần vào ngày 16 âm lịch; có 20 phần, với 16 người tham gia. Dây hụi khui được 5 kỳ; còn lại 15 kỳ chưa khui hụi nhưng thực tế còn 16 chân sống là do tại kỳ thứ 4 mở ngày 16/4/2016 âm lịch nhằm ngày 22/4/2016 U lấy hụi của B bỏ thăm 220.000 đồng hốt được **5.480.000** đồng.

Tang vật thu giữ: 01 cuốn tập học sinh DANA BOOK, có 09 trang giấy đánh số từ 01-09 có chữ ký của Nguyễn Thị U.

Bị cáo U hiện nay đã nộp khắc phục số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, những người bị hại Đồng Thị N (đại diện theo ủy quyền của Trần Thanh T), Dư Mỹ L, Đinh Thị V, Võ Bé H, Lâm Thị N, Trần Ngọc T, Võ Thanh H, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thị B, Lâm Ngọc V, Thiều Thị N (đại diện theo ủy quyền của Ngô Lâm S), Nguyễn Thị D, Võ Mỹ N, Đỗ Thị T, Dương Thị Á, Huỳnh Thị G, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ, Hữu Thanh D, Nguyễn Thị P, Hồ Mộng T, Lâm Thị P, Nguyễn Thị N, Trần Thị M, Ngô Kiều D, Lưu Thị Hồng S, Nguyễn Thị C, yêu cầu:

- + Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền hụi, cụ thể:
 - Đồng Thị N (đại diện theo ủy quyền của Trần Thanh T) yêu cầu trả vốn là 59.120.000 đồng.
 - Dư Mỹ L yêu cầu trả vốn là 33.600.000 đồng.
 - Đinh Thị V yêu cầu trả là 22.800.000 đồng (đã trừ hụi 30.000.000 đồng trả trước).
 - Võ Bé H yêu cầu trả vốn là 10.245.000 đồng.
 - Lâm Thị N yêu cầu trả vốn là 8.050.000 đồng.
 - Trần Ngọc T yêu cầu trả vốn là 5.040.000 đồng.
 - Võ Thanh H yêu cầu trả vốn là 15.330.000 đồng.
 - Nguyễn Hoàng D yêu cầu trả vốn là 25.000.000 đồng.
 - Nguyễn Thị B yêu cầu trả vốn là 22.980.000 đồng.
 - Lâm Ngọc V yêu cầu trả vốn là 13.120.000 đồng.
 - Thiều Thị N (đại diện theo ủy quyền của Ngô Lâm S) yêu cầu trả vốn là 22.000.000 đồng.
 - Nguyễn Thị D yêu cầu trả vốn lãi là 18.000.000 đồng.
 - Võ Mỹ N yêu cầu trả vốn là 6.300.000 đồng.

- Đỗ Thị T yêu cầu trả vốn là 15.410.000 đồng.
- Dương Thị Á yêu cầu trả vốn là 10.315.000 đồng.
- Huỳnh Thị G yêu cầu trả 7.000.000 đồng (đã trừ hụi trước 5.000.000 đồng).
- Nguyễn Thị L yêu cầu trả 20.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Đ yêu cầu trả vốn là 12.820.000 đồng.
- Hữu Thanh D yêu cầu trả vốn là 12.820.000 đồng.
- Nguyễn Thị P yêu cầu trả vốn là 5.000.000 đồng.
- Hồ Mộng T yêu cầu trả vốn lãi 10.000.000 đồng.
- Lâm Thị P yêu cầu trả 13.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị N yêu cầu trả vốn 5.000.000 đồng.
- Trần Thị M yêu cầu trả vốn 5.500.000 đồng.
- Ngô Kiều D yêu cầu trả vốn lãi 3.000.000 đồng.
- Lưu Thị Hồng S yêu cầu trả vốn 32.100.000 đồng.
- Nguyễn Thị C yêu cầu trả vốn là 8.920.000 đồng.

+ Về trách nhiệm hình sự: Những người bị hại Lâm Thị N, Võ Thanh H, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thị B, Lâm Ngọc V, Võ Mỹ N, Đỗ Thị T, Nguyễn Thị P, Lâm Thị P, Nguyễn Thị N, Trần Thị M, Ngô Kiều D, Lưu Thị Hồng S, Nguyễn Thị C xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa, những người bị hại Nguyễn Hồng T, Nguyễn Thị T, Phạm Thị D, Võ Thị T, Cao Thị S không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Đối với những người bị hại Nguyễn Thùy N, Ngô Văn Đ, Nguyễn Thị Đ, Tô Ngọc N, Nguyễn Kim N, Phan T vắng mặt tại phiên tòa đã có yêu cầu thể hiện tại hồ sơ, cụ thể:

- Nguyễn Thùy N yêu cầu trả 22.000.000 đồng.
- Ngô Văn Đ yêu cầu trả 25.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Đ yêu cầu trả 12.000.000 đồng, nhưng đã thỏa thuận với bị cáo lấy cái giường hộp để trừ nợ.
- Tô Ngọc N yêu cầu trả 3.500.000 đồng.
- Nguyễn Kim N yêu cầu trả 32.000.000 đồng.
- Phan T yêu cầu trả 8.000.000 đồng.

Đối với những người bị hại Nguyễn Mỹ X, Nguyễn Thị X, Nguyễn Việt T, Lê Hồng C, Trần Thị Ú, Phạm Thị H, Nguyễn Hồng K, Trương Ngọc B, Nguyễn

Bạch T, Ngô Thị T vắng mặt, nhưng có lời trình bày có tại hồ sơ là không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, ông Đỗ Minh T (chồng bị cáo U) trình bày ông thống nhất cho bà U làm hui, còn việc bị cáo U chiếm đoạt tiền của các hui viên thì ông không biết, khi U bỏ trốn trở về địa phương thì ông có cùng U hứa trả nợ cho các hui viên. Nay ông T đồng ý có trách nhiệm chung để trả các khoản nợ cho những người bị hại theo yêu cầu của họ trong vụ án này.

Bản cáo trạng số: 42/CT-VKS ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Thị U về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo U đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Về trách nhiệm dân sự đồng ý trả các khoản nợ hui theo yêu cầu của những người bị hại theo yêu cầu của họ trong vụ án này. Ngoài ra, bị cáo U còn xác định việc U tổ chức chơi hui đưa tên không và lấy phần hui của các hui viên để chiếm đoạt tiền thì T (chồng bị cáo U) không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo U đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo U về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 Về họ, hui, biểu, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị U và ông Đỗ Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho những người bị hại tổng số tiền 512.970.000 đồng, cụ thể: Trần Thanh T 59.120.000 đồng; Dư Mỹ L 33.600.000 đồng; Đinh Thị V 22.800.000 đồng; Võ Bé H 10.245.000 đồng; Lâm Thị N 8.050.000 đồng; Trần Ngọc T 5.040.000 đồng; Võ Thanh H 15.330.000 đồng; Nguyễn Hoàng D 25.000.000 đồng; Nguyễn Thị B 22.980.000 đồng; Lâm Ngọc V 13.120.000 đồng; Ngô Lâm S 22.000.000 đồng; Nguyễn Thị D 18.000.000 đồng; Võ Mỹ N 6.300.000 đồng; Đỗ Thị T 15.410.000 đồng; Dương Thị Á 10.315.000 đồng; Huỳnh Thị G 7.000.000 đồng; Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị Đ 12.820.000 đồng; Hữu Thanh D 12.820.000 đồng; Nguyễn Thị P 5.000.000 đồng; Hồ Mộng T 10.000.000 đồng; Lâm Thị P 13.000.000 đồng; Nguyễn Thị N 5.000.000 đồng; Trần Thị M 5.500.000 đồng; Ngô Kiều D 3.000.000 đồng; Lưu Thị Hồng S 32.100.000 đồng; Nguyễn Thị C 8.920.000 đồng; Nguyễn Thùy N

22.000.000 đồng; Ngô Văn Đ 25.000.000 đồng; Tô Ngọc N 3.500.000 đồng; Nguyễn Kim N 32.000.000 đồng; Phan T 8.000.000 đồng.

Đối với người bị hại Nguyễn Thị Đ đã thỏa thuận với bị cáo lấy cái giường hộp trừ khoản nợ 12.000.000 đồng, nên không xem xét.

+ Về tang vật áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo U nộp khắc phục tiếp tục duy trì để đảm bảo việc thi hành án. Đối với 01 cuốn tập học sinh DANA BOOK, có 09 trang giấy đánh số từ 01-09 có chữ ký của Nguyễn Thị U tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị U khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Quá trình làm chủ hội U sử dụng tiền của hội viên vào mục đích cá nhân dẫn đến bị thâm hụt, mất khả năng thanh toán. Đến năm 2014, U nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của hội viên, U đã mở 9 dây hội cho những người ở địa phương tham gia, hưởng hoa hồng 50% mỗi kỳ khai hội (hội 1.000.000 đồng U hưởng được 500.000 đồng, hội 500.000 đồng hưởng được 250.000 đồng). Để chiếm đoạt tiền của các hội viên, U đưa một số tên hội viên không vào các dây hội rồi hốt hội để chiếm đoạt tiền đóng hội của các hội viên khác và lợi dụng việc các hội viên ít đi bỏ thăm để tự ý hốt hội chiếm đoạt tiền đóng hội của các hội viên, chiếm đoạt tổng số tiền, cụ thể:

1. Dây hội thứ nhất: Mở ngày 29/6/2015 âm lịch (nhằm ngày 13/8/2015), loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 29 âm lịch, tổng số 27 phân hội; gồm 20 hội viên. Dây hội khai được 10 lần thì đình hội; còn lại 17 lần

chưa khai hội nhưng trên thực tế còn 24 phần hội sống; do U tự ý lấy hội của hội viên để hốt hội 7 phần; đưa tên không hốt 1 phần, số tiền chiếm đoạt là **121.310.000** đồng.

2. Dây hội thứ hai: Mở ngày 06/01/2015 âm lịch nhằm ngày 24/2/2015, loại hội 1.000.000 đồng mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 06 âm lịch, tổng số 32 phần hội, có 27 hội viên. Dây hội khai được 16 kỳ; còn lại 16 kỳ chưa khai hội nhưng thực tế còn 20 chân sống là do U tự ý lấy hội của hội viên để hốt hội 4 phần; đưa tên không hốt 1 phần; tổng số tiền chiếm đoạt **79.690.000** đồng.

3. Dây hội thứ ba: Mở ngày 26/4/2015 âm lịch nhằm ngày 12/6/2016, loại hội 1.000.000 đồng mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 26 âm lịch. Tổng số 31 phần hội; có 24 hội viên. Dây hội khai được 12 kỳ thì đình hội; còn lại 19 kỳ chưa khai hội nhưng thực tế còn 24 chân sống là do U lấy hội của các hội viên để hốt hội 5 lần, đưa tên không hốt 2 phần chiếm đoạt số tiền là **98.580.000** đồng.

4. Dây hội thứ tư: Mở ngày 10/9/2015 âm lịch nhằm ngày 22/10/2015 loại hội 1.000.000 đồng mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 10 âm lịch; có 19 phần, có 16 người tham gia. Dây hội khai được 8 kỳ, còn lại 11 kỳ chưa khai hội nhưng thực tế còn 13 chân sống là do U lấy hội của các hội viên để hốt hội 2 lần, đưa tên không hốt 2 phần chiếm đoạt số tiền là **37.360.000** đồng.

5. Dây hội thứ năm: mở ngày 18/3/2015 âm lịch nhằm ngày 06/5/2015 loại hội 500.000 đồng mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 18 âm lịch; có 21 phần với 19 người tham gia. Dây hội còn lại 7 kỳ chưa khai hội nhưng thực tế còn 12 chân sống là do U lấy hội của các hội viên để hốt hội 4 lần, đưa tên không hốt 1 phần, chiếm đoạt số tiền là **26.935.000** đồng.

6. Dây hội thứ sáu: Mở ngày 16/01/2016 âm lịch nhằm ngày 23/02/2016 loại hội 500.000 đồng mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 16 âm lịch; có 20 phần, với 16 người tham gia. Dây hội khai được 5 kỳ; còn lại 15 kỳ chưa khai hội nhưng thực tế còn 16 chân sống là do tại kỳ thứ 4 mở ngày 16/4/2016 âm lịch nhằm ngày 22/4/2016 U lấy hội của B bỏ thăm 220.000 đồng hốt được **5.480.000** đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là **369.355.000** đồng.

Trước trong và sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo gây ra.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá các chứng cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị U đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo U về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp và có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của những người bị hại đối với bị cáo để tổ chức việc chơi hụi rồi bị cáo dùng thủ đoạn gian dối như đưa vào các chân hụi khổng vào các dây hụi để hốt lấy tiền và lấy các chân hụi sống chưa hốt của hụi viên khác làm hụi của mình để hốt chiếm đoạt tài sản của họ, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, chính bản thân bị cáo cũng biết được tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ và những khoản tiền mà bị cáo chiếm đoạt là công sức lao động vất vả của những người bị hại mới có được, nhưng vì mục đích vụ lợi cho bản thân nên bị cáo sẵn sàng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại. Do đó cần xử lý nghiêm đối với hành vi của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, ngoài ra còn đảm bảo công tác phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện ở việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình khắc phục hậu quả cho các người bị hại với số tiền 10.000.000 đồng, cha ruột bị cáo là ông Nguyễn Thái H tham gia hoạt động cách mạng, tại phiên tòa những người bị hại Lâm Thị N, Võ Thanh H, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thị B, Lâm Ngọc V, Võ Mỹ N, Đỗ Thị T, Nguyễn Thị P, Lâm Thị P, Nguyễn Thị N, Trần Thị M, Ngô Kiều D, Lưu Thị Hồng S, Nguyễn Thị C, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Thị T, Phạm Thị D, Võ Thị T, Cao Thị S xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy các điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng và việc xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U mức án từ 04 năm đến 05 năm tù là phù hợp, nên cần chấp nhận.

Đối với 3 dây hui: Dây hui 500.000 đồng ngày 30/4/2014 âm lịch, dây hui 1.000.000 đồng ngày 15/8/2014 âm lịch, dây hui 500.000 đồng ngày 20/10/2014 âm lịch, chưa có đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Thị U chiếm đoạt tiền của hui viên trên các dây hui này nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Đỗ Minh T (chồng U), quá trình điều tra xác định việc tổ chức chơi hui là do Nguyễn Thị U thực hiện, T không biết U đưa tên không và lấy phần hui của các hui viên để chiếm đoạt tiền hui. Vì vậy, T không có vai trò đồng phạm với U trong vụ án, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị U thừa nhận có tổ chức chơi hui với các người bị hại và thống nhất hoàn trả lại số tiền hui còn thiếu theo yêu cầu của những người bị hại trong vụ án này và ông Đỗ Minh T thừa nhận cũng biết việc bị cáo U tổ chức chơi hui, thống nhất cùng bị cáo U có trách nhiệm hoàn trả tiền hui theo yêu cầu của các người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy việc tự thỏa thuận về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và ông T với những người bị hại là hoàn toàn tự nguyện không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, do đó cần áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 Về họ, hui, biêu, phường buộc bị cáo Nguyễn Thị U và ông Đỗ Minh T phải có nghĩa vụ chung hoàn trả cho các người bị hại tổng số tiền 512.970.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thị U và ông Đỗ Minh T có trách nhiệm hoàn trả cho: Trần Thanh T 59.120.000 đồng; Dur Mỹ L 33.600.000 đồng; Đinh Thị V 22.800.000 đồng; Võ Bé H 10.245.000 đồng; Lâm Thị N 8.050.000 đồng; Trần Ngọc T 5.040.000 đồng; Võ Thanh H 15.330.000 đồng; Nguyễn Hoàng D 25.000.000 đồng; Nguyễn Thị B 22.980.000 đồng; Lâm Ngọc V 13.120.000 đồng; Ngô Lâm S 22.000.000 đồng; Nguyễn Thị D 18.000.000 đồng; Võ Mỹ N 6.300.000 đồng; Đỗ Thị T 15.410.000 đồng; Dương Thị Á 10.315.000 đồng; Huỳnh Thị G 7.000.000 đồng; Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị Đ 12.820.000 đồng; Hữu Thanh D 12.820.000 đồng; Nguyễn Thị P 5.000.000 đồng; Hồ Mộng T 10.000.000 đồng; Lâm Thị P 13.000.000 đồng; Nguyễn Thị N 5.000.000 đồng; Trần Thị M 5.500.000 đồng; Ngô Kiều D 3.000.000 đồng; Lưu Thị Hồng S 32.100.000 đồng; Nguyễn Thị C 8.920.000 đồng; Nguyễn Thùy N 22.000.000 đồng; Ngô Văn Đ 25.000.000 đồng; Tô Ngọc N 3.500.000 đồng; Nguyễn Kim N 32.000.000 đồng; Phan T 8.000.000 đồng.

Đối với người bị hại Nguyễn Thị Đ tại biên bản đối chất giữa bà Đ với bị cáo đã thỏa thuận bà U lấy cái giường hộp trừ 12.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với những người bị hại Nguyễn Hồng T, Nguyễn Thị T, Phạm Thị D, Võ Thị T, Cao Thị S, Nguyễn Mỹ X, Nguyễn Thị X, Nguyễn Việt T, Lê Hồng C, Trần Thị U, Phạm Thị H, Nguyễn Hồng K, Trương Ngọc B, Nguyễn Bạch T, Ngô Thị T không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 13 hội viên, gồm Nguyễn Thị L, Trương Mỹ N, Phạm Kiều T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Mỹ K, Nguyễn Kim K, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị K, Trương Mỹ L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Võ Văn B cơ quan điều tra chưa làm việc được do vắng mặt ở địa phương, nên Hội đồng xét xử tách phần trách nhiệm dân sự của những người này với bị cáo ra, khi nào có yêu cầu xét thấy có căn cứ thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo U nộp khắc phục hậu quả, cần tiếp duy trì giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

+ Đối với 01 cuốn tập học sinh DANA BOOK, có 09 trang giấy đánh số từ 01-09 có chữ ký của Nguyễn Thị U tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Bị cáo U và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng + 4% của phần tiền vượt 400.000.000 đồng đối với tổng số tiền Tòa án buộc bị cáo và ông T trả cho những người bị hại (trừ khoản tiền 10.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả trước) theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo U và ông T có đơn xin giảm án phí, được Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Thị U** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U: **04** (bốn) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 27/12/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 Về họ,

hại, biểu, phường buộc bị cáo Nguyễn Thị U và ông Đỗ Minh T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho những người bị hại tổng số tiền **512.970.000** đồng, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thị U và ông Đỗ Minh T có trách nhiệm hoàn trả cho:

Trần Thanh T số tiền 59.120.000 đồng; Dư Mỹ L số tiền 33.600.000 đồng; Đinh Thị V số tiền 22.800.000 đồng; Võ Bé H số tiền 10.245.000 đồng; Lâm Thị N số tiền 8.050.000 đồng; Trần Ngọc T số tiền 5.040.000 đồng; Võ Thanh H số tiền 15.330.000 đồng; Nguyễn Hoàng D số tiền 25.000.000 đồng; Nguyễn Thị B số tiền 22.980.000 đồng; Lâm Ngọc V số tiền 13.120.000 đồng; Ngô Lâm S số tiền 22.000.000 đồng; Nguyễn Thị D số tiền 18.000.000 đồng; Võ Mỹ N số tiền 6.300.000 đồng; Đỗ Thị T số tiền 15.410.000 đồng; Dương Thị A số tiền 10.315.000 đồng; Huỳnh Thị G số tiền 7.000.000 đồng; Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị Đ số tiền 12.820.000 đồng; Hữu Thanh D số tiền 12.820.000 đồng; Nguyễn Thị P số tiền 5.000.000 đồng; Hồ Mộng T số tiền 10.000.000 đồng; Lâm Thị P số tiền 13.000.000 đồng; Nguyễn Thị N số tiền 5.000.000 đồng; Trần Thị M số tiền 5.500.000 đồng; Ngô Kiều D số tiền 3.000.000 đồng; Lưu Thị Hồng S số tiền 32.100.000 đồng; Nguyễn Thị C số tiền 8.920.000 đồng; Nguyễn Thùy N số tiền 22.000.000 đồng; Ngô Văn Đ số tiền 25.000.000 đồng; Tô Ngọc N số tiền 3.500.000 đồng; Nguyễn Kim N số tiền 32.000.000 đồng; Phan T số tiền 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn Thị U và ông Đỗ Minh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên, thì hàng tháng bị cáo U và ông T còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo U nộp khắc phục hậu quả, cần tiếp duy trì giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

+ Đối với 01 cuốn tập học sinh DANA BOOK, có 09 trang giấy đánh số từ 01-09 có chữ ký của Nguyễn Thị U tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

(Số tiền 10.000.000 đồng hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị U phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị U và ông Đỗ Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.059.400 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với những người bị hại Nguyễn Thùy N, Ngô Văn Đ, Nguyễn Thị Đ, Tô Ngọc N, Nguyễn Kim N, Phan T, Nguyễn Mỹ X, Nguyễn Thị X, Nguyễn Việt T, Lê Hồng C, Trần Thị Ú, Phạm Thị H, Nguyễn Hồng K, Trương Ngọc B, Nguyễn Bạch T, Ngô Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau.
- Bị cáo;
- VKSND huyện T;
- CQĐT Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thanh Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Thắng

Bùi Xuân Minh

Từ Thanh Nhung

